

Bản án: 230/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2019
V/v "ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng;
2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 722/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2019/QĐST-HPT ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Diễm H, sinh năm 1996, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Cùng ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/5/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm H trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Phạm Văn T là vợ chồng, sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh LA ngày 02/3/2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông T không quan tâm đến gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình, bà và ông T đã ly thân nhau được 01 năm. Nay thấy tình cảm không còn yêu thương và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Bà H trình bày, bà và ông T chung sống có 01 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 09/4/2013. Hiện nay đang sống với bà H, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phạm Thị Yến N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T tại biên bản hòa giải ông trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà H trình bày là đúng, về tìm cảm mâu thuẫn vợ chồng ông T cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn và ông xác định giữa ông và bà H đã ly thân được 01 năm, trong thời gian ly thân không hàn gắn lại được. Nay bà H yêu cầu xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Giữa ông và bà H có 01 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 09/4/2013, nếu như Tòa án có căn cứ cho ông và bà H ly hôn thì ông đồng ý để con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung về cấp dưỡng nuôi con chung thì ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà H là tài sản chung giữa ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định ông và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Lê Thị Diễm H yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn T, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, về thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/3/2015 (số 27/HT.2015, Quyết số 01/2015) nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Bà H và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm đối ông T và không cho ông T cơ hội hàn gắn mặc dù ông T có xin lỗi để được bà H tha thứ bỏ qua nhưng bà H cương quyết ly hôn với ông T.

Từ đó thấy, rằng mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 cho bà H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

[2.3]. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T xác định có 01 con chung tên Phạm Thị Yên N, sinh ngày 09/4/2013. Ông T thống nhất khi ly hôn ông đồng ý để cho bà H tiếp tục nuôi con chung về cấp dưỡng ông T không cấp dưỡng nuôi con. Điều này là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của bà H khi ly hôn xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa T nuôi con và cấp dưỡng giữa bà H và ông T.

Về tài sản chung cũng như nợ chung: Bà H và ông T thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Diễm H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Lê Thị Diễm H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Yên Nhi, sinh ngày 09/4/2013. Ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và tình trạng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Diễm H và ông Phạm Văn T xác định tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003073 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án
- UBND xã Tân Mỹ
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài